

THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: MỘT VÀI ĐỐI SÁNH VỚI CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI

Lê Thị Kim Dung¹
Hoàng Thị Thu Hoa²

Tóm tắt: Chính phủ Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp nhằm đào tạo đội ngũ nhân viên công tác xã hội đáp ứng yêu cầu xã hội. Việc xây dựng và hoàn thiện khung chương trình đào tạo công tác xã hội ngày càng được quan tâm theo hướng gắn giữa lý thuyết với thực hành nhằm tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu này tập trung làm rõ mô hình thực hành công tác xã hội ở Việt Nam trong đối sánh với mô hình thực hành công tác xã hội ở một số quốc gia khác. Phương pháp tiếp cận tài liệu thứ cấp được sử dụng để hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích nhằm tìm ra những điểm tương đồng cũng như bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Việt Nam đã có sự kế thừa những yếu tố phù hợp từ các mô hình thực hành công tác xã hội trên thế giới nhưng cũng có sự điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh của trong nước.

Từ khóa: Công tác xã hội, đào tạo công tác xã hội, đối sánh, thực hành công tác xã hội, Việt Nam

Abstract: The Vietnamese Government, relevant ministries, and sectors have made great efforts to develop professional social work to train social workers to meet social demands. The development and completion of the social work training program framework has been increasingly focused on linking theory with practice to approach international standards. This study focuses on clarifying the social work practice model in Vietnam compared to that in some other countries. The secondary document approach is used to systematize, synthesize, and analyze to find similarities and lessons for Vietnam. The research results show that Vietnam has inherited appropriate elements from social work practice models in the world but also adjusted to suit the domestic context.

Keywords: Social work, social work education, comparison, social work practice, Vietnam

1 Tiến sĩ, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

2 Thạc sĩ, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội (CTXH) là một nghề dựa trên thực hành, vì vậy, nó đòi hỏi sự kết hợp giữa học lý thuyết và thực hành. Trong đó, yếu tố thực hành đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên, giảng viên và kiểm huấn viên tại cơ sở thực hành. Với vai trò đó, thực hành, thực tập được xem như một phương pháp “*sự phạm đặc trưng*” trong đào tạo CTXH (Nguyễn Thị Hoa và cộng sự, 2020). Đối với sinh viên, thực hành giúp áp dụng kiến thức lý thuyết, phương pháp đặc thù ngành để thực hành các kỹ năng nghề nghiệp (Poulin và cộng sự, 2006). Hoạt động thực hành có thể diễn ra bên trong hoặc bên ngoài lớp học đại học thông qua trải nghiệm giáo dục thực địa (Papouli, 2014). Đặc biệt, cơ hội thực hành tại cơ sở hoặc ngoài cộng đồng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng và năng lực ngoài những kỹ năng có được trong môi trường học tập trên lớp. Đối với giảng viên và kiểm huấn viên, việc thực hành giúp đánh giá mức độ phù hợp và sẵn sàng của sinh viên đối với thực hành nghề nghiệp. Không chỉ sinh viên học hỏi từ các kiểm huấn viên có kinh nghiệm, ngược lại chính các giảng viên và kiểm huấn viên cũng học hỏi và trau dồi kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của họ trong các môi trường thực hành và cộng đồng đa dạng. Do vậy, thực hành đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đào tạo sinh viên ngành CTXH nhằm đáp ứng được những đòi hỏi thực tiễn của xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mô hình thực hành Công tác xã hội ở một số nước trên thế giới

CTXH đã được công nhận là một nghề chuyên nghiệp ở hầu hết các quốc gia trên

thế giới. Ở những nước phát triển, CTXH thể hiện vai trò không thể thiếu trong việc giải quyết các vấn đề xã hội của con người, “*là phương tiện để thực hiện chính sách an sinh xã hội à bảo đảm công bằng xã hội*” (Trần Thái Hà, 2022, tr.76). Vì vậy, vấn đề thực hành của sinh viên ngành CTXH luôn được chú trọng.

Canada là quốc gia có quá trình hình thành và phát triển CTXH chuyên nghiệp khá sớm trên thế giới. Chương trình đào tạo ở bậc cử nhân ngành CTXH tại Canada bắt đầu từ năm 1914, sau gần một thế kỷ, đến năm 2006 đã có 34 trường ở trình độ đại học với 31 chương trình đào tạo cử nhân CTXH và 32 chương trình đào tạo thạc sĩ CTXH (Douglas Durst và cộng sự, 2006). Giáo dục thực hành công tác xã hội tại Canada chú trọng đến sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành. Mục tiêu định hướng thực hành nghề nghiệp vì vậy đã trở thành một trong những thể mạnh đặc trưng cho CTXH ở Canada. Yêu cầu về khía cạnh thực hành được đặt ra một cách khắt khe thể hiện qua tổng số giờ thực hành người học phải đạt được ở mỗi trình độ đào tạo, điều này được công nhận bởi Hiệp hội các trường CTXH của Canada. Theo đó, đối với sinh viên học hệ cử nhân CTXH phải đạt được 700 giờ thực hành, bậc thạc sĩ CTXH đào tạo trong thời gian 2 năm cần tối thiểu 900 giờ thực hành và bậc thạc sĩ CTXH đào tạo 1 năm phải đạt tối thiểu 450. Với yêu cầu này, thực hành CTXH ở Canada rất chú trọng trong việc tìm kiếm và phát triển mạng lưới cơ sở thực hành để sinh viên tới thực hành.

Tại Pháp, quy định về chương trình đào tạo nhân viên CTXH chuyên nghiệp

trong thời gian 3 năm cần đảm bảo tích lũy đủ 1450 giờ đào tạo lý thuyết và 2100 giờ thực hành tại cơ sở (Kim Văn Chiến, 2012). Có thể thấy thời lượng giờ thực hành sinh viên phải đáp ứng theo khung chương trình đào tạo CTXH ở Pháp rất cao, thậm chí số giờ thực hành nhiều hơn tổng số giờ học lý thuyết. Điều đáng chú ý là tất cả các cơ sở giáo dục đào tạo ngành CTXH đều phải tuân theo chương trình đã được ban hành về môn học và đảm bảo đủ thời gian cho các môn học đó. Điều đó cho thấy trọng tâm tập trung vào việc thực hành nhằm ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và rèn luyện kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp rất được đề cao trong đào tạo nhân viên CTXH chuyên nghiệp tại Pháp. Theo đó, sinh viên học CTXH tại Pháp sẽ có một đợt thăm quan cơ sở thực tập và ba đợt thực hành. Điều đặc biệt là sinh viên sẽ phải chủ động liên hệ và tìm kiếm cơ sở thực hành cũng như xây dựng kế hoạch thực hành của bản thân, các cơ sở giáo dục chỉ cử người hướng dẫn, định hướng sinh viên lựa chọn đối tượng, địa điểm, phương pháp và nội dung thực hành. Như vậy, mặc dù cơ sở đào tạo không thực hiện trực tiếp việc liên hệ và tìm kiếm cơ sở thực hành, tuy nhiên, việc định hướng những nơi phù hợp với mỗi đợt thực hành để sinh viên tự chủ động liên hệ sẽ giúp họ xác định được cơ sở phù hợp với mình và với nội dung thực hành. Khi xác định cơ sở thực hành phù hợp với nội dung học phần và chấp nhận cho sinh viên lựa chọn cơ sở thực hành đó, cơ sở giáo dục sẽ tiến hành soạn thảo một cam kết thực hành trong đó thể hiện rõ trách nhiệm về mặt pháp lý và chuyên môn của các bên liên quan gồm cơ sở giáo dục, cơ sở nhận thực hành và sinh viên. Bản cam kết cũng phản ánh đầy

đủ và chi tiết các nội dung liên quan đến việc thực hành của sinh viên như thời gian thực hành, cách thức kiểm huấn và giám sát, kết quả thực hành, thời điểm giáo viên về cơ sở hướng dẫn và giám sát sinh viên. Mô hình thực hành này tạo cơ hội cho sinh viên được tham gia tất cả các hoạt động tại cơ sở thực hành từ các sinh hoạt nhóm nhỏ, họp cơ quan hay họp đối tác đến việc tham gia trao đổi, phân tích, bàn luận và ra quyết định giải quyết vấn đề. Sinh viên được cơ sở đón nhận thực hành như là một nhân viên CTXH mới (Kim Văn Chiến, 2021). Quá trình thực hành với thời gian kéo dài từ 3 tháng trở lên sinh viên được học đan xen cả các học phần lý thuyết với thực hành tại cơ sở, điều đó có nghĩa sinh viên không cần có mặt toàn thời gian tại cơ sở thực hành. Những buổi học lý thuyết xen kẽ thường dành cho việc bổ sung kiến thức lý thuyết và đặc biệt có những buổi phân tích thực hành. Giảng viên giúp sinh viên trong lớp cũng phân tích và vận dụng các lý thuyết để giải quyết những tình huống khó, phức tạp gặp phải tại cơ sở thực hành. Đây là thời điểm quan trọng để giáo viên hướng dẫn thực hành hỗ trợ, định hướng và giúp sinh viên củng cố thêm về mặt lý thuyết để có thể giải quyết được mọi tình huống xảy ra tại cơ sở thực hành. Như vậy, trách nhiệm của giáo viên hướng dẫn và kiểm huấn được phân định rất rõ ràng, mỗi người chịu trách nhiệm chính ở mỗi vị trí khác nhau. Kiểm huấn viên có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát và chấm điểm trực tiếp tại cơ sở thực hành, nhận xét đầy đủ trong nhật ký thực hành của sinh viên để có cơ sở đánh giá toàn bộ quá trình thực hành về mặt nội dung, kỹ năng mà sinh viên đã thực hành và thu nhận được.

Ở quốc gia láng giềng Trung Quốc, những hạn chế của cơ sở hạ tầng thực hành thực tế vẫn đang thể hiện rõ ràng trong các hệ thống giáo dục CTXH. Tại Trung Quốc có hơn 300 trường đại học cung cấp chương trình giáo dục CTXH ở nhiều cấp độ khác nhau (Leung, 2013). Mặc dù rất chú trọng mảng thực hành trong đào tạo CTXH, tuy nhiên mô hình thực hành ở Trung Quốc đang phải đối diện với nhiều vấn đề cần cải thiện. Một cuộc khảo sát tại 15 trường đại học cung cấp bằng thạc sĩ ở Trung Quốc cho thấy thiếu người giám sát thực địa và giảng viên đại học phải căng mình trong việc cung cấp dịch vụ giám sát thực hành thực tập tại cơ sở (Liu và cộng sự, 2012). Các cơ quan hợp tác cung cấp cả kinh nghiệm thực hành CTXH vì mô và vĩ mô cho nhiều vấn đề xã hội, chẳng hạn như sức khỏe tâm thần, bạo lực gia đình, nghèo đói và lạm dụng chất gây nghiện. Vì vậy, một khuyến nghị được đề xuất là tăng cường sử dụng mô hình tích hợp các hội thảo/thảo luận thực hành thực tế trên lớp để hỗ trợ việc học của sinh viên, bên cạnh đó cũng tăng cường năng lực của cơ sở tiếp nhận sinh viên thực hành để cung cấp dịch vụ giám sát tại chỗ hiệu quả hơn (Nguyễn Thị Hoa và cộng sự, 2020). Vì vậy, việc phát triển mạng lưới cơ sở thực hành với đội ngũ kiểm huấn viên để gia tăng tính chuyên nghiệp của hoạt động đào tạo và giảm tải áp lực cho đội ngũ giảng viên trong việc hướng dẫn thực hành trở thành mối quan tâm lớn và được thúc đẩy trong những năm gần đây.

Chương trình giáo dục CTXH của Thái Lan có quá trình hình thành và phát triển sớm hơn Việt Nam từ năm 1954 (Mongkolnchaiarunya và Wattanakoon, 2013) với hai chương trình đào tạo thạc sĩ

và đào tạo tiến sĩ. Tại Thái Lan, nhận thức của công chúng cũng tương đối đặc trưng như ở Việt Nam khi cho rằng CTXH là một hoạt động tình nguyện chứ không phải là một nghề thực sự. Hệ thống giáo dục được phát triển để chuẩn bị cho các nhân viên xã hội làm việc trong hệ thống chính phủ, mặc dù gần đây các nhà sư Phật giáo cũng tham gia mạnh mẽ và thể hiện những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động CTXH và tất cả các chương trình CTXH của trường đại học đều có khóa học bắt buộc về tư tưởng Phật giáo. Thực hành là nội dung bắt buộc đối với sinh viên CTXH và bao gồm CTXH với cá nhân, kỹ năng nhóm và phát triển cộng đồng. Để tạo môi trường giáo dục CTXH chuyên nghiệp chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, hệ thống giáo dục CTXH ở Thái Lan cũng rất chú trọng các nội dung thực hành và phát triển cơ sở thực hành.

Indonesia đã phát triển các mạng lưới CTXH và các hiệp hội chuyên nghiệp mặc dù chính phủ không công nhận chuyên môn một cách mạnh mẽ (Fahrudin, 2013). Sự công nhận của chính phủ đối với CTXH như một nghề chỉ mới thay đổi gần đây với việc thông qua các luật mới để điều chỉnh CTXH như được Liên đoàn Công tác xã hội Quốc tế báo cáo (Ifan, 2019). Tương tự như các quốc gia khác trong khu vực, giáo dục CTXH của Indonesia tập trung vào việc tích hợp chương trình giảng dạy công tác xã hội quốc tế và các hoạt động thực hành bản địa, sau này được các hiệp hội CTXH hiện có đặc biệt quan tâm để phát triển chương trình giảng dạy và các mô hình thực hành. Các hoạt động này gắn liền với các phản ứng truyền thống của cộng đồng đối với nhu cầu. Việc thiếu chính sách của chính phủ về CTXH đã được bù đắp

bằng sự tham gia tích cực của các tổ chức phi chính phủ trong khu vực. Mặc dù có 37 trường đại học cung cấp chương trình giáo dục CTXH ở cấp độ cử nhân, thạc sĩ và/hoặc tiến sĩ, nhưng có vẻ như có quá ít nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp đang giảng dạy và giám sát số lượng hạn chế các cơ hội thực tập thực tế hiện có (O'Leary và cộng sự, 2019). Vì vậy, trọng tâm cần nhấn mạnh trong giáo dục CTXH ở Indonesia cũng như Thái Lan và Việt Nam là tăng cường năng lực thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên hình thành được kỹ năng nghề nghiệp căn bản phục vụ cho công việc trợ giúp chuyên nghiệp của mình.

2.2. Mô hình thực hành Công tác xã hội ở Việt Nam

Ở Việt Nam, mặc dù nghề CTXH mới được thông qua từ 2010, tuy vậy, các cơ sở đào tạo ngay từ đầu đã rất chú ý đến việc phát triển một chương trình đào tạo trên cơ sở cân bằng giữa khối kiến thức lý thuyết và thực hành nhằm đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

Nhìn về mặt tổng thể, ngành CTXH ở Việt Nam mặc dù hình thành và phát triển khá muộn so với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, tuy nhiên, Nhà nước và các cơ sở giáo dục đã có những giải pháp chiến lược để thúc đẩy ngành CTXH phát triển nhanh và mạnh hiện nay. Nhà nước Việt Nam đã thể hiện vai trò quan trọng trên các khía cạnh để phát triển ngành CTXH ở Việt Nam:

Một là, xây dựng các chương trình, chiến lược, đề án về phát triển nghề CTXH trong từng giai đoạn nhất định.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nghề CTXH.

Ba là xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CTXH.

Bốn là, củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH và đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên CTXH.

Năm là, xây dựng, hoàn thiện chương trình khung, nội dung đào tạo và dạy nghề CTXH.

Theo đó, Thông tư số 10/2010/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 3 năm 2010 về việc ban hành chương trình Khung Giáo dục đại học ngành CTXH ở bậc đại học, sinh viên phải tích lũy đủ tổng số 180 tín chỉ các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành trong thời gian đào tạo là 4 năm. Đối với nội dung liên quan đến thực hành, sinh viên phải tích lũy đủ ít nhất 14 tín chỉ gồm học phần thực hành CTXH I (3 tín chỉ), thực hành CTXH II (3 tín chỉ), thực hành CTXH III (3 tín chỉ), và thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ). Dựa trên khung chương trình chung này, mỗi trường đào tạo CTXH sẽ chủ động thiết kế chương trình đào tạo riêng trên cơ sở sự phù hợp giữa yêu cầu khung chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế của trường cũng như các chuẩn đầu ra được xác định. Như vậy, nội dung học thực hành của sinh viên ngành CTXH không chỉ là các học phần thực hành cụ thể mà còn bao gồm cả học phần thực tập tốt nghiệp. Học phần thực tập tốt nghiệp được xếp vào học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo hướng đến mục tiêu sinh viên có thể

linh hoạt lựa chọn đối tượng thực hành, cơ sở thực hành để hoàn thành chương trình học của mình. Như vậy, để quá trình thực hành tại cơ sở của sinh viên đạt hiệu quả như mong đợi cần có sự kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và huấn luyện kỹ năng thực hành.

Cùng với nhà nước, các cơ sở giáo dục từ các trường đại học cho đến các trường cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề cũng không ngừng nỗ lực trong việc hoàn thiện khung chương trình đào tạo bám sát tiêu chuẩn quốc tế nhưng vẫn dựa trên nhu cầu thực tiễn ở Việt Nam. Trong đó, các trường đều đặc biệt quan tâm đến việc tăng cường nội dung thực hành bên cạnh nội dung giảng dạy về lý thuyết, từ đó góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ nhân lực CTXH. Mặc dù hầu hết các trường đều chú trọng đầu tư cho nội dung thực hành trong chương trình đào tạo CTXH, tuy vậy một thực tế là hiện nay số lượng các cơ sở thực hành, thực tập cho sinh viên còn hạn chế. Việc liên hệ và để sinh viên CTXH về các cơ sở thực hành cũng không dễ dàng, bởi vì những lý do khách quan và chủ quan khác nhau. Trong đó lý do phổ biến thường là thiếu người hướng dẫn tại cơ sở, thời gian không phù hợp, không có sự cho phép của người quản lý hoặc sinh viên phải trả tiền để được hướng dẫn. Mặt khác, nhiều trường trong quá trình tổ chức cho sinh viên đi thực hành tại cơ sở thực hành, thời lượng thực hành của sinh viên tiếp tục bị cắt giảm so với quy định chung. Những thực tế trên đặt ra yêu cầu cấp bách các cơ sở đào tạo ngành CTXH cần đặt ưu tiên hàng đầu cho việc tạo ra môi trường thuận lợi về việc tiếp cận các cơ sở thực hành phù hợp và tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành hiệu quả tại những cơ sở đáp ứng các điều kiện về chuyên môn.

Xu hướng chung của nền giáo dục thế giới và Việt Nam hiện nay là hướng đến khoa học thực nghiệm, đề cao tính ứng dụng của khoa học vào thực tiễn đời sống. Vì vậy, triết lý giáo dục “lý luận đi đôi với thực hành” trở thành kim chỉ nam trong các hoạt động giáo dục nói riêng và hoạt động đào tạo CTXH nói riêng. “Việc đào tạo kỹ năng thực hành cho sinh viên góp phần thực hiện tốt triết lý giáo dục ấy đồng thời thể hiện sự hội nhập của giáo dục Việt Nam với quy luật phát triển của giáo dục thế giới” (Hồ Sỹ Thái và Trương Thị Yến, 2016).

Quá trình huấn luyện kỹ năng thực hành cũng đòi hỏi sự hợp lý về thời lượng, mô hình, quy mô và nguồn nhân lực hướng dẫn. Tuy vậy trên thực tế hoạt động thực hành và thực tập vẫn còn nhiều hạn chế về sự phân bố thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, các mô hình thực hành chưa thực sự hiệu quả và nguồn nhân lực hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hành còn thiếu (Nguyễn Thị Hoa và cộng sự, 2020). Trong số những hạn chế đó, nổi bật là các vấn đề về:

- (a) Thiếu giảng viên đại học được đào tạo chuyên sâu về công tác xã hội;
- (b) Chương trình giảng dạy chưa phát triển và thiếu tài liệu, giáo trình;
- (c) Cơ sở hạ tầng dịch vụ chưa phát triển, với ít nhân viên CTXH được đào tạo.

2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoàn thiện mô hình thực hành CTXH

Từ việc nghiên cứu mô hình thực hành CTXH của một số quốc gia trên thế giới, cho thấy mô hình thực hành CTXH ở Việt Nam có những điểm tương đồng nhất định. Đó là

sự nhất quán trong nhận thức về tầm quan trọng của thực hành trong đào tạo CTXH. Tuy nhiên, thực tế triển khai mô hình thực hành ở Việt Nam hiện còn gặp khá nhiều khó khăn như một số quốc gia ở Đông Nam Á và Châu Á, đầu vậy, chúng ta vẫn có thể nghiên cứu và kế thừa các ưu điểm từ mô hình thực hành CTXH ở một số quốc gia phát triển như Pháp và Canada.

Thứ nhất, cần đảm bảo về mặt thời lượng sinh viên thực hành trực tiếp tại cơ sở. Thay vì tổng số 14 tín chỉ theo khung chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đào tạo CTXH ở Việt Nam đã có sự điều chỉnh linh hoạt để tăng thời gian thực hành của sinh viên, tuy vậy vẫn chưa tương xứng giữa thời lượng học lý thuyết và thực tiễn. Số giờ thực hành của sinh viên phải nhiều hơn hoặc ít nhất là tương đương với số giờ học lý thuyết và khi triển khai thực tế tại cơ sở, hạn chế tình trạng cắt giảm thời gian thực hành của sinh viên vì bất cứ lý do gì.

Thứ hai, khi vấn đề thời lượng thực hành của sinh viên được gia tăng, vấn đề song hành cần giải quyết đó là tăng cường đội ngũ kiểm huấn đảm bảo chất lượng và số lượng tại cơ sở thực hành. Việc đào tạo, bồi dưỡng để bổ sung đội ngũ kiểm huấn viên tại cơ sở cần thực hiện ngay, liên tục và thường xuyên để đảm bảo khoảng trống nhân lực về đội ngũ này nhanh chóng được lấp đầy nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

Thứ ba, phân định rõ ràng nhiệm vụ của kiểm huấn viên và giáo viên hướng dẫn. Đội ngũ giáo viên hướng dẫn thực hành cũng được chuyên môn hóa theo hướng tập trung trọng tâm cho việc tích lũy các kiến thức, kỹ

năng liên quan đến hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên thực hành tại cơ sở. Đội ngũ giảng viên hướng dẫn cần phát huy được tối đa vai trò trong những tình huống sinh viên gặp khó khăn suốt quá trình thực hành tại cơ sở. Giáo viên hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành của sinh viên thông qua báo cáo thực hành theo từng tiến độ (hàng tuần, hàng tháng) và báo cáo tổng hợp của đợt thực hành có sự xác nhận của kiểm huấn viên tại cơ sở xã hội.

Thứ tư, với sự gia tăng thời lượng các học phần thực hành đòi hỏi việc bố trí lịch học lý thuyết và thực hành cân nhắc xen kẽ nhau theo mô hình của Pháp để linh hoạt cho sinh viên trong việc bồi bổ cả kiến thực lý thuyết và có thể áp dụng ngay, linh hoạt vào quá trình thực hành tại cơ sở.

Thứ năm, trao quyền cho sinh viên để sinh viên chủ động trong việc tìm kiếm các cơ sở thực hành với sự định hướng, tư vấn và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn. Điều này không những tăng cường tính tích cực, chủ động của sinh viên đối với việc học, thực hành của mình mà còn giúp sinh viên có kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng giao tiếp để thiết lập mối quan hệ với cơ sở thực hành và qua đó tăng cường sự tự tin, độc lập của mình.

Thứ sáu, tăng cường kết nối và cam kết đảm bảo thực thi trách nhiệm giữa các bên liên quan gồm cơ sở thực hành, cơ sở đào tạo và sinh viên để chuyên nghiệp hóa hoạt động hợp tác giữa các bên. Xét cho cùng việc thực hành của sinh viên tại cơ sở mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan (cơ sở đào tạo được quảng bá và nâng cao chất lượng đào tạo, sinh viên được tích lũy, học hỏi kiến thức

thực tiễn, cơ sở thực hành được bổ sung đội ngũ hỗ trợ cho công việc trợ giúp), vì vậy, tăng cường cam kết về trách nhiệm để đảm bảo chất lượng hoạt động thực hành chính là giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo lợi ích của các bên.

Thứ bảy, tại các cơ sở thực hành, cần thay đổi quan điểm và cách nhìn nhận về việc thực hành của sinh viên theo hướng đánh giá đúng nhiệm vụ chuyên môn sinh viên cần thực hiện qua quá trình thực hành. Theo đó, các cơ sở thực hành cần tạo điều kiện để sinh viên tham gia vào quá trình trợ giúp như một nhân viên mới ở tất cả các khâu, như vậy không chỉ giúp sinh viên mau trưởng thành mà còn giúp các đối tượng tiếp cận, đội ngũ cán bộ nhân viên và toàn xã hội hiểu đúng bản chất của hoạt động công tác xã hội. Trao quyền và tăng cường sự hỗ trợ cho sinh viên là động lực quan trọng để sinh viên xây dựng ý thức, thái độ nghiêm túc, tích cực và chủ động hơn về lĩnh vực nghề nghiệp mình đã lựa chọn.

3. Kết luận

Mặc dù tuổi đời chưa cao, nghề CTXH ở Việt Nam đã khẳng định được vị thế và vai trò của mình trong việc *“nâng cao năng lực, thúc đẩy khả năng tự giải quyết vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; kết nối đối tượng với hệ thống các nguồn lực, dịch vụ và cơ hội trong xã hội; thúc đẩy hiệu quả và tính nhân văn của các hệ thống nguồn lực và dịch vụ xã hội; phát triển và cải thiện chính sách xã hội”* (Trần Thái Hà, 2022, tr.76-77). Vì vậy, đảm bảo chất lượng thực hành trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực CTXH là yêu cầu cấp thiết hiện nay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công việc

trợ giúp, giải quyết các vấn đề của cá nhân, nhóm, cộng đồng yếu thế trong xã hội. Để đạt được điều đó, Chính phủ, các bộ ngành liên quan và cơ sở giáo dục đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện hệ thống chính sách và phát triển một chương trình đào tạo trên cơ sở cân bằng giữa khối kiến thức lý thuyết và thực hành nhằm đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

So sánh mô hình thực hành CTXH ở Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới, chúng tôi nhận thấy có những điểm tương đồng nhất định về định hướng gắn lý thuyết với thực hành, tuy vậy, vẫn còn những bất cập cần cải thiện trong mô hình thực hành ở Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu để học hỏi và tiếp thu những yếu tố mới và phù hợp để hoàn thiện khung chương trình đào tạo CTXH nói chung và mô hình thực hành nói riêng ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng. Bài học kinh nghiệm được đúc rút là gia tăng thời lượng thực hành của sinh viên tại cơ sở, tăng cường đội ngũ kiểm huấn đảm bảo chất lượng và số lượng tại cơ sở thực hành, phân định rõ ràng nhiệm vụ của kiểm huấn viên và giáo viên hướng dẫn, bố trí lịch học lý thuyết và thực hành cân nhắc xen kẽ nhau, trao quyền cho sinh viên để sinh viên chủ động trong việc tìm kiếm các cơ sở thực hành, tăng cường kết nối và cam kết đảm bảo thực thi trách nhiệm giữa các bên liên quan. Khi mô hình thực hành CTXH được hoàn thiện sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực CTXH hiện nay ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Xuân Anh (2022). *Mới có hơn 70 cơ sở đào tạo chuyên ngành công tác xã hội*. Báo Nhân Dân Online. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/moi-co-hon-70-co-so-dao-tao-chuyen-nganh-cong-tac-xa-hoi-post728025.html>.
2. Kim Văn Chiến (2012). *Khác biệt trong học phần thực tập giữa chương trình đào tạo Công tác xã hội của Việt Nam và Pháp*. Truy cập tại: https://dulieu.itrithuc.vn/media/dataset/2020_08/43.pdf.
3. Douglas Durst, Nguyễn Thị Thái Lan, & Lê Hồng Loan (2006). *Phân tích về giáo dục và thực hành Công tác Xã hội ở Việt Nam và Canada*. Bộ phận Nghiên cứu Chính sách Xã hội (SPR), Khoa Công tác Xã hội, Trường Đại học Tổng hợp Regina.
4. Fahrudin, A. (2013). 'Social Welfare and Social Work in Indonesia', in S.B.C.L. Furuto (ed.) *Social Welfare in East Asia and the Pacific*, pp. 136–57. New York: Columbia University Press.
5. Furuto, S. (Ed.) (2013). *Social welfare in East Asia and the Pacific*. Columbia University Press.
6. Trần Thái Hà (2022). *Phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam*. Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 321 (10/2022), tr. 76-79.
7. Ifan, M. (2019). *Indonesia Now Have a Social Worker Law*. Available online at: <https://www.ifsw.org/indonesia-now-have-a-social-worker-law/>.
8. Leung, J.C. (2013). *The Development of the Social Work Profession and Social Work Education in China: Issues and Prospects*, in C. Noble, M. Henrickson and I. Y. Han (eds) *Social Work Education: Voices from the Asia Pacific*. 2nd edn, pp. 175–206. Sydney: Sydney University Press.
9. Liu, M., Sun, F., & Anderson, S.G. (2012). *Challenges in Social Work Field Education in China: Lessons from the Western Experience*. *Social Work Education*, 32(2), 1–18.
10. Mongkolnchaiarunya, J., & Wattanakoon, N. (2013). *Social Welfare and Social Work in Thailand*, in S. B. C. L. Furuto (ed.) *Social Welfare in East Asia and the Pacific*, pp. 111–35. New York: Columbia University Press.
11. Nguyễn, T. H., Cohen, E., Đỗ, V. T., Nguyễn, T. D. H., Ngô, T. T. N., Kiều, V. T., Lê, T. K. D., Đặng, T. M. L., Nguyễn, T. T., & Bùi, T. M. (2022). *Social work field education in Vietnam: Challenges and recommendations for a better model*. *Journal of International Social Work*, 65(6), 1216-1231.
12. O'Leary, P.J., Young, A., McAuliffe, D., & Wismayanti, Y. (2019). *Developing the Social Work Role in the Indonesian Child Protection System*. *International Social Work*, 62(2), 814–28.
13. Hồ Sỹ Thái & Trương Thị Yến (2016). *Đào tạo kỹ năng thực hành cho sinh viên ngành công tác xã hội – Một số thách thức và giải pháp*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Giải pháp nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên ngành Công tác xã hội đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và hội nhập quốc tế. Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
14. Văn phòng Thủ tướng Chính phủ (2010). *Phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 (Số 32/2010/QĐ-TTg)*. Truy cập tại: <https://vanbanphapluat.co/no-32-2010-qd-ttg-approving-the-scheme-on-the-development-of-the-social-work>.